

Số: 1577/BVĐK-KSNK
V/v mời cung cấp báo giá gói thầu
Cung cấp dịch vụ làm sạch tại
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
24 tháng

Ninh Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Quý công ty/ nhà cung ứng/ đơn vị.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá (giấy báo giá, bản chào giá...) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp dịch vụ làm sạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình 24 tháng (Có phụ lục chi tiết đính kèm) với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

- Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình;

- Điện thoại: 02293 871 030.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bệnh viện kính đề nghị các công ty, nhà cung ứng, đơn vị có quan tâm và có khả năng cung ứng gửi báo giá (theo chi tiết tại phụ lục đính kèm).

(Báo giá phải đảm bảo đủ tính pháp lý đồng thời ghi rõ thời hạn báo giá, giá chào đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan).

- **Nhận báo giá:** Các đơn vị gửi Online báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (qua website muasamcong.mpi.gov.vn).

3. Thời điểm tiếp nhận báo giá:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

5. Thông tin liên hệ (nếu cần):

Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu các công ty, đơn vị cung cấp báo giá cần khảo sát, làm rõ nội dung đề nghị liên hệ Ông Đặng Hồng Thanh – Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; điện thoại: 0912.343.423).

Rất mong nhận được sự phối hợp của Quý công ty/Nhà cung ứng/Đơn vị.

Nơi nhận:

- Giám đốc BV (để báo cáo)
- Phòng CTXH (để đăng tải)
- Lưu: VT, TCKT, KSNK.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



★ Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1 – PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm theo Công văn 1577/BVĐK-KSNK ngày 16/10/2026)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ làm sạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình 24 tháng.	Trọn gói	01	Yêu cầu dịch vụ theo Phụ lục - Yêu cầu kỹ thuật (đính kèm)

Ghi chú: Thời gian cung cấp dịch vụ của gói thầu là 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bệnh viện sẽ thực hiện nghiệm thu thanh toán hàng tháng sau khi nhà thầu hoàn thành dịch vụ và xuất hóa đơn theo tháng.

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Đính kèm theo công văn số 1577/BVĐK-KSNK ngày 16/10/2026)

1. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

1.1. Yêu cầu về thời gian thực hiện dịch vụ

Nhà thầu cam kết tuân thủ quy định về thời gian thực hiện dịch vụ với các nội dung dưới đây, áp dụng cho tất cả các ngày trong năm kể cả Thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết:

Bảng 1.1. Thời gian thực hiện dịch vụ

STT	Thời gian	Ca (C)	Số giờ/ca	Đơn vị áp dụng	Ghi chú
1	Từ 06h00 đến 14h00	C1	08 giờ	Khoa PT-GMHS, Cấp cứu, HSTC-PCĐ, Lọc máu Thận nhân tạo	Trực 24/24, làm theo ca
2	Từ 14h00 đến 22h00	C2	08 giờ	Khoa PT-GMHS, Cấp cứu, HSTC-PCĐ, Lọc máu Thận nhân tạo	Trực 24/24, làm theo ca
3	Từ 22h00 đến 06h00	C3	08 giờ	Khoa PT-GMHS, Cấp cứu, HSTC-PCĐ	Trực 24/24, làm theo ca
4	06h00–10h30 và 13h00–16h30	Ca hành chính 1 (HC1)	08 giờ	Khoa lâm sàng, cận lâm sàng	Hoàn thành vệ sinh lần 1 trước 08h00
5	05h30–10h00 và 13h00–16h30	Ca hành chính 2 (HC2)	08 giờ	Khu khám bệnh, phòng khám, tiêm chủng, ngoại cảnh	Hoàn thành vệ sinh trước 07h00
6	06h00–10h30 và 13h00–16h30, Thứ 2 – Thứ 6	Ca hành chính 3 (HC3)	08 giờ	Khối phòng ban chức năng, hành chính	Hoàn thành vệ sinh trước 08h00
7	10h00–13h00 và 16h30–21h30	Ca hành chính 4 (HC4)	08 giờ	Toàn viện (nhà vệ sinh)	Trực vệ sinh nhà vệ sinh toàn viện

Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các khoa/phòng, trung tâm để bố trí đủ số lượng nhân viên vệ sinh làm việc vào các ngày Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ, Tết phù hợp với nhu cầu thực tế (tối thiểu 70% số lượng nhân sự ngày thường), trừ các khoa trực 24/24 giờ phải duy trì 100% định biên theo ca.

Khảo sát hiện trường:

- Trường hợp cần thiết, nhà thầu khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập báo giá. Chủ đầu tư sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập báo giá thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

- Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác về chi phí thực hiện gói thầu.

Bảng 1.2. Diện tích làm sạch

STT	Khu vực / Tầng	Vị trí / Nội dung khu vực	Diện tích sử dụng (m ²)
I	Nhà A		19.687,99
1	Tầng 1	Khoa Khám bệnh; Khám bệnh yêu cầu; Giải phẫu bệnh; Thăm dò chức năng; Đơn nguyên phẫu thuật và Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh - can thiệp điện quang	6.978,47
2	Tầng 2	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	1.355,91
3	Tầng 3	Khoa Lọc máu thận nhân tạo và Khoa Phụ sản	1.193,66
4	Tầng 4	Khoa khám và điều trị sức khỏe cán bộ	1.267,11
5	Tầng 5	Khoa Nội thận tiết niệu; Khoa khám và phòng quản lý sức khỏe cán bộ	1.294,64
6	Tầng 6	Khoa Huyết học - truyền máu	1.242,76
7	Tầng 7	Khoa Hoá sinh - vi sinh	1.265,00
8	Tầng 8	Khoa Nội tiết	1.290,76
9	Tầng 9	Khoa Răng hàm mặt và khoa Da liễu	1.276,29
10	Tầng 10	Khoa Tai mũi họng và khoa Mắt	1.271,23
11	Tầng 11	Các hội trường; kho; phòng hội thảo...	1.252,16
II	Nhà B		6.430,12
1	Tầng 1	TT Ung bướu	1.479,51
2	Tầng 2	Trung tâm Chấn thương - chỉnh hình	1.218,10
3	Tầng 3	Khoa Ngoại thần kinh sọ não	1.224,82
4	Tầng 4	Trung tâm phẫu thuật tiêu hóa và gan mật tụy	1.239,14

	hội; khoa Dược, khoa Dinh dưỡng	
XI	Phòng Vật tư thiết bị y tế	1.485,00
XII	Ngoại cảnh + vườn sấu	84.520,00
XIII	Cầu nổi	8.896,34
XIV	Nhà vệ sinh công cộng	122,50
XV	Đơn nguyên tiêm chủng	90,00
XVI	Nhà tang lễ	1.380,00
XVII	Đơn nguyên xạ trị	804,95
TỔNG DIỆN TÍCH		144.436,29

1.2. Yêu cầu về vị trí, số lượng

Nhà thầu bố trí tối thiểu nhân sự theo theo các khu vực dưới đây:

Bảng 3.2. Bảng bố trí nhân sự

STT	Vị trí làm việc	Ca làm việc	Số lượng tối thiểu (người)	Ghi chú
I	Khu nhà Khám bệnh		9	
1.1	Tầng 1 – Khoa Khám bệnh	HC2	3	
1.2	Tầng 1 – Khoa Khám bệnh yêu cầu	HC2	1	
1.3	Tầng 1 – Khoa Giải phẫu bệnh	HC2	0,5	
1.4	Tầng 1 – TT CDHA và Điện quang can thiệp	HC2	1	
1.5	Tầng 2 – TT CDHA và Điện quang can thiệp	HC2	1	
1.6	Tầng 2 – Khoa TDCN	HC2	0,5	
1.7	Tầng 2 – Khoa Khám bệnh	HC2	2	
II	Nhà A		21	
2.1	Tầng 1 – ĐN phẫu thuật trung tâm UB	HC1	1	
2.2	Tầng 2 – Khoa PTGMHS	C1; C2; C3 (24/24)	6	2 người/ca
2.3	Tầng 3 – Khoa LM-TNT	C1, C2	2	1 người/ca
2.4	Tầng 3 – Khoa Phụ sản	HC1	1	
2.5	Tầng 4 – Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ	HC1	1	

5	Tầng 5	Khoa Ngoại thận tiết niệu	1.240,68
6	Áp mái	Cầu thang bộ	27,87
III	Nhà C		6.507,45
1	Tầng 1	Khoa Thần kinh và khoa Đột quy	1.405,16
2	Tầng 2	Khoa can thiệp tim mạch máu và Khoa Nội cơ xương khớp	1.391,74
3	Tầng 3	Khoa Nội tim mạch	1.201,86
4	Tầng 4	Khoa Nội tổng hợp	1.240,68
5	Tầng 5	Khoa Nội hô hấp, Khoa Nhi	1.239,14
6	Áp mái	Cầu thang bộ	27,87
IV	Nhà G		1.234,76
1	Tầng 1	Khoa Truyền nhiễm	577,61
2	Tầng 2		657,15
V	Nhà E		1.239,29
1	Tầng 1	Khoa Phục hồi chức năng	579,01
2	Tầng 2	Khoa Y học cổ truyền	660,28
VI	Nhà F		1.246,98
1	Tầng 1	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	586,05
2	Tầng 2		660,93
VII	Nhà D		1.280,00
1	Tầng 1	Khoa điều trị yếu cầu	622,98
2	Tầng 2	Khoa điều trị yếu cầu và ĐN Can thiệp mạch	657,02
VIII	Nhà H		4.046,75
1	Tầng 1	Khoa Cấp cứu, Đơn nguyên thẩm mỹ	2.121,10
2	Tầng 2	Khoa Hồi sức tích cực - PCĐ	1.925,65
IX	Nhà Hành chính (Ban lãnh đạo; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Hành chính; Phòng Kế hoạch tổng hợp...)		2.600,00
X	Nhà Đa năng		2.864,16
1	Tầng 1	Khoa Dược; Kho	1.432,08
2	Tầng 2	Phòng Đào tạo - CĐT; Công nghệ thông tin; Quản lý chất lượng; Điều dưỡng; Công tác xã	1.432,08

STT	Vị trí làm việc	Ca làm việc	Số lượng tối thiểu (người)	Ghi chú
2.6	Tầng 5 – Khoa khám bệnh và phòng quản lý sức khỏe cán bộ	HC1	1	
2.7	Tầng 5 – Khoa Nội thận tiết niệu	HC1	1	
2.8	Tầng 6 – Khoa Huyết học – truyền máu	HC1	1	
2.9	Tầng 7 – Khoa Hóa sinh – vi sinh	HC1	1	
2.10	Tầng 8 – Khoa Nội tiết	HC1	2	
2.11	Tầng 9 – Khoa Răng hàm mặt, Da liễu	HC1	1	
2.12	Tầng 10 – Khoa Tai mũi họng, Mắt	HC1	1	
2.13	Tầng 11 – Hội trường, hội thảo, kho...	HC1	1	
2.14	Thang máy, sảnh khu vực thang máy, cầu thang bộ giữa từ tầng 11 xuống tầng 1	HC1	1	
III	Nhà B		13	
3.1	Tầng 1 – Trung tâm Ung bướu	HC1	3	
3.2	Tầng 2 – Trung tâm Chấn thương chỉnh hình	HC1	3	
3.3	Tầng 3 – Khoa Ngoại Thần kinh sọ não	HC1	2	
3.4	Tầng 4 – Trung tâm phẫu thuật tiêu hóa và gan mật tụy	HC1	2	
3.5	Tầng 5 – Khoa Ngoại Thận tiết niệu	HC1	2	
3.6	Thang máy, sảnh khu vực thang máy, cầu thang bộ giữa từ tầng 5 xuống tầng 1, áp mái	HC1	1	
IV	Nhà C		13	
4.1	Tầng 1 – Khoa Thần Kinh	HC1	1	
4.2	Tầng 1 – Khoa Đột Quy	HC1	2	
4.3	Tầng 2 – Khoa Nội cơ xương khớp	HC1	1	
4.4	Tầng 2 – Trung tâm tim mạch	HC1	1	
4.5	Tầng 3 – Trung tâm tim mạch	HC1	2	
4.6	Tầng 4 – Khoa Nội tổng hợp	HC1	2	
4.7	Tầng 5 – Khoa Nội Hô hấp	HC1	2	

STT	Vị trí làm việc	Ca làm việc	Số lượng tối thiểu (người)	Ghi chú
4.8	Tầng 5 – Khoa Nhi	HC1	1	
4.9	Thang máy, sảnh khu vực thang máy, cầu thang bộ giữa từ tầng 5 xuống tầng 1, áp mái	HC1	1	
V	Nhà G		2	
5.1	Tầng 1 + 2 – Khoa Truyền nhiễm	HC1	2	
VI	Nhà F		1	
6.1	Tầng 1 + 2 – Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	HC1	1	
VII	Nhà E		2	
7.1	Tầng 1 – Khoa Phục hồi chức năng	HC1	1	
7.2	Tầng 2 – Khoa Y học cổ truyền	HC1	1	
VIII	Nhà D		2	
8.1	Tầng 1 – Đơn nguyên can thiệp mạch	HC1	1	
8.2	Tầng 2 – Khoa Điều trị theo yêu cầu	HC1	1	
IX	Nhà H		9	
9.1	Tầng 1 – Khoa Cấp cứu	C1; C2; C3 (24/24)	5	C1:2; C2:2; C3:1
9.2	Tầng 1 – Đơn nguyên Phẫu thuật thẩm mỹ, Tiêm chủng	HC2	1	
9.3	Tầng 2 – Khoa Hồi sức tích cực – phòng chống độc	C1; C2; C3 (24/24)	3	
X	Các vị trí khác		33	
10.1	Nhà điều hành (2 tầng): Ban Giám đốc, Phòng TCCB, Phòng TKT...	HC3	1	
10.2	Nhà đa năng (2 tầng): Khoa Dược, Trung tâm đào tạo-chỉ đạo tuyến, CTXH...	HC3	2	
10.3	Đơn nguyên xạ trị	HC1	3	
10.4	Phòng Vật tư	HC1	1	
10.5	Ngoại cảnh (vườn cây bóng mát, dọn vệ sinh)	HC2	7	
10.6	Giặt sấy tải, khăn; khu vệ sinh công cộng	HC2	1	

STT	Vị trí làm việc	Ca làm việc	Số lượng tối thiểu (người)	Ghi chú
10.7	Trực vệ sinh nhà vệ sinh toàn viện	HC4	3	
10.8	Khu vực nhà chứa rác; thu gom rác thải	HC1	3	
10.9	Vệ sinh định kỳ, nhà cầu	HC1	10	
10.10	Giám sát 1	HC1	1	
10.11	Giám sát 2	HC1; HC2	1	
TỔNG CỘNG			105	

1. 3. Yêu cầu về máy móc, thiết bị, dụng cụ và phương tiện làm sạch

1.3.1. Máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp tối thiểu đầy đủ các trang thiết bị sau đây:

STT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy chà sàn liên hợp ngồi lái	Cái	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện. Nhà thầu ĐỀ XUẤT số lượng máy móc, trang thiết bị.
2	Máy chà sàn liên hợp tự hành	Cái	
3	Máy chà sàn tự hành mini	Cái	
4	Máy hút khô/ướt $\geq 35L$	Cái	
5	Máy hút khô/ướt $\geq 60L$	Cái	
6	Máy phun xịt áp lực	Cái	
7	Máy giặt công nghiệp $\geq 20kg$	Cái	
8	Máy sấy công nghiệp $\geq 20kg$	Cái	
9	Xe vận chuyển rác thải	Cái	
10	Xe thu gom rác $\geq 500L$	Cái	
11	Máy thổi lá	Cái	
12	Ắc quy cho máy chà liên hợp ngồi lái	Cái	
13	Ắc quy cho máy chà tự hành	Cái	
14	Ắc quy cho máy chà tự hành mini	Cái	

1.3.2. Dụng cụ, phương tiện làm sạch

1.3.2.1. Dụng cụ làm sạch

Stt	Thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cây gạt sàn cong	Cây	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch
2	Dao cạo sàn	Hộp	
3	Cây lau ẩm	Cây	

4	Bông lau kính	Cái	tại Bệnh viện. Nhà thầu ĐỀ XUẤT số lượng dụng cụ làm sạch.
5	Tay gạt kính	Cái	
6	Cây nối dài $\geq 3,5\text{m}$	Cây	
7	Xô	Cái	
8	Biển báo sàn ướt	Cái	
9	Thang nhôm	Cái	
10	Cây đẩy bụi	Cây	

1.3.2.2. Phương tiện làm sạch

STT	Nội dung	Số lượng
1	Xe làm sạch Đề xuất hình ảnh minh họa (nếu có)	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện. Nhà thầu ĐỀ XUẤT cung cấp số lượng, yêu cầu kỹ thuật chi tiết cho từng sản phẩm mà nhà thầu đề xuất.
2	Xe thu gom rác Đề xuất hình ảnh minh họa (nếu có)	

1.4. Yêu cầu về đồ phòng hộ lao động, vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

1.4.1. Đồ phòng hộ lao động

Bảng 1.4.1. Trang bị đồ phòng hộ lao động

Stt	Tên Sản Phẩm	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Đồng Phục bao gồm: Quần, áo, nón, giày, băng tên, ...	Bộ	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu ĐỀ XUẤT cung cấp bảng kê chi tiết cho mỗi vị trí làm việc theo tuần, theo tháng
2	Khẩu trang	Cái	
3	Găng tay cao su	Cái	
4	Găng tay y tế	Cái	
5	Giày bít mũi/ủng cao su	Đôi	
6	Mắt kính	Cái	

1.4.2. Vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

Bảng 1.4.2. Vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu
1	Bàn chải chà bồn cầu/ chà sàn/ bình xịt hóa chất	Cái	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà
2	Khăn lau: phân loại theo màu Mã hóa màu phương tiện vệ sinh	Cái	

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu
3	Tải/Móp lau ẩm: phân loại theo Mã hóa màu phương tiện vệ sinh. Đảm bảo mỗi tải/móp sạch chỉ được sử dụng trong diện tích khoảng 20 m ²	Cái	thầu ĐỀ XUẤT cung cấp bảng kê chi tiết khối lượng cho từng khu vực
4	Chổi quét và hốt rác	Cái	
5	Phốt đánh sàn	Cái	

Móp và khăn lau được thu gom, và phân loại theo đúng quy định tại Bệnh viện

Mã hóa màu phương tiện vệ sinh

STT	Nội dung
1	Tải/Móp phân loại màu theo bề mặt móp (không theo ký hiệu màu trên móp) cho 04 loại bề mặt và mức độ ô nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế: - Bề mặt vô khuẩn (màu trắng) - Bề mặt an toàn, sạch, ít nguy cơ (màu xanh dương) - Bề mặt khu chăm sóc và điều trị (màu vàng) - Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ; khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/ngghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: Thẩm hút tốt để sàn khô ráo, không trơn trượt và có khả năng gom bụi
2	Khăn phân loại màu cho 04 loại bề mặt, và mức độ ô nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế - Bề mặt vô khuẩn (màu trắng) - Bề mặt an toàn, sạch, ít nguy cơ (màu xanh dương) - Bề mặt khu chăm sóc và điều trị (màu vàng) - Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ; khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/ngghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: không để lại bụi vải khi lau, thành phần cotton hoặc cotton tổng hợp.
3	Xô được phân loại màu theo mục đích sử dụng: - Dụng dung dịch/ khăn thấm dung dịch khử khuẩn (màu trắng/đỏ) - Dụng dung dịch/ khăn thấm dung dịch làm sạch/nước sạch để lau ẩm (màu xanh) - Dụng khăn đã sử dụng (màu vàng, có lót túi rác màu vàng) - Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ;

	khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/nghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: Xô hình vuông hoặc tròn, kích thước phù hợp với xe làm sạch.
--	--

1.5. Yêu cầu về hóa chất thực hiện dịch vụ

Nhà thầu được quyền đề xuất hóa chất, sản phẩm có tính năng tương đương với điều kiện: được phép lưu hành/đăng ký sử dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam; phù hợp nguyên tắc lựa chọn hóa chất tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định 4290/QĐ-BYT ngày 15/10/2015.

Bảng 1.4. Hóa chất

Stt	Tên Sản Phẩm	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Hóa chất lau sàn và khử khuẩn	Lít	Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu ĐỀ XUẤT cung cấp bảng kê chi tiết SỐ LƯỢNG.
2	Hóa chất làm sạch kính	Lít	
3	Hóa chất làm sạch và khử khuẩn WC	Lít	
4	Hóa chất làm sạch đa năng	Lít	
5	Hóa chất làm sạch inox thang máy	Lít	
6	Hóa chất tạo mùi thơm	Lít	
7	Cồn	Lít	
8	Hóa chất khử khuẩn và tẩy trắng (Javel)	Lít	
9	Xà phòng giặt đồ vải lau	Kg	

1.6. Yêu cầu về chất lượng

1.6.1. Tần suất làm sạch

Bảng 1.6.1. Tần suất làm sạch tối thiểu

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
1	Khu vực mặt tiền các khu nhà						
	<i>Áp dụng tại: Mặt tiền Nhà A, B, C, D, E, F, G, H, Nhà điều hành, Nhà đa năng, Phòng Vật tư</i>						
1.1	Vệ sinh và duy trì sạch bậc tam cấp (nếu có), sảnh	2 lần					
1.2	Thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
1.3	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính; biển bảng, trang trí $\leq 2m$	1 lần					
1.4	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, khóa cửa	1 lần					
1.5	Vệ sinh kính, khung kính; cửa, khung cửa từ 2m đến 3,5m		1 lần				
1.6	Đánh cọ bậc tam cấp		1 lần				
1.7	Quét mạng nhện, phát bụi tường		1 lần				
1.8	Xịt rửa dốc lên xuống các tòa nhà				1 lần		
1.9	Vệ sinh kính, khung kính mặt ngoài tòa nhà ở độ cao $\leq 4m$				1 lần		
2	Khu vực sảnh, hành lang						
	<i>Áp dụng tại: Sảnh, hành lang các tầng của các tòa nhà; sảnh thang máy; khu vực chờ</i>						
2.1	Thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
2.2	Duy trì sạch mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
2.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà	2 lần					
2.4	Tẩy keo cao su (nếu có)	1 lần					
2.5	Trục rác nổi	2 lần					
2.6	Duy trì sạch ghế chờ, tay vịn, lan can tay vịn	2 lần					
2.7	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính; công tắc, ổ điện $\leq 2m$	1 lần					
2.8	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, khóa cửa $\leq 2m$	2 lần					
2.9	Quét mạng nhện, phát bụi tường		1 lần				
2.10	Chà sàn bằng máy chuyên dụng		1 lần				

[illegible]

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
4.1	Vệ sinh cabin: sàn, bảng điều khiển (trong, ngoài), vách, khe rãnh thang	2 lần					
4.2	Vệ sinh và duy trì sạch đá ốp thang máy $\leq 2m$	2 lần					
4.3	Lau cửa thang máy tại các tầng, khung cửa, nút gọi thang	2 lần					
4.4	Vệ sinh đá ốp thang máy $> 2m$		1 lần				
4.5	Tổng vệ sinh cabin thang máy, hút bụi khe rãnh			2 lần			
5	Nhà vệ sinh						
	<i>Áp dụng tại: Nhà vệ sinh công cộng; nhà vệ sinh bệnh nhân; nhà vệ sinh trong phòng bệnh; nhà vệ sinh nhân viên</i>						
5.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
5.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
5.3	Nhà vệ sinh công cộng, bệnh nhân, buồng bệnh: vệ sinh và duy trì sạch thiết bị (tay nắm cửa, bồn cầu, bồn tiểu, gương, lavabo, vòi, hộp đựng giấy)	4 lần					
5.4	Nhà vệ sinh công cộng, bệnh nhân, buồng bệnh: vệ sinh và duy trì sạch sàn	4 lần					
5.5	Nhà vệ sinh nhân viên trong khoa/phòng: vệ sinh thiết bị và sàn	2 lần					
5.6	Nhà vệ sinh bệnh nhân khoa Khám bệnh giờ cao điểm (06h00–12h00 và 13h00–15h00): bố trí người thường trực	60 phút làm vệ sinh 1 lần					
5.7	Khử mùi (sáp thơm, tinh dầu)	1 lần					

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
5.8	Giặt thảm chùi chân, thay thảm mới (khi cần)	1 lần					
5.9	Ghi nhật ký giờ thực hiện và người xác nhận	Mỗi lần làm vệ sinh					
5.10	Thay giấy vệ sinh, bổ sung nước rửa tay hoặc xà phòng rửa tay (Bệnh viện cung cấp)	Khi cần					
5.12	Tổng vệ sinh: cửa ra vào, vách ngăn, tường ốp, cọ thùng rác		1 lần				
5.13	Quét mạng nhện, phát bụi tường		1 lần				
5.14	Vệ sinh quạt thông gió, ô thoáng			1 lần			
6	Phòng ban chức năng						
	<i>Áp dụng tại: Phòng giao ban, phòng bác sĩ, trực điều dưỡng, phòng thay đồ, kho sạch; Nhà điều hành; Nhà đa năng; Phòng Vật tư</i>						
6.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
6.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
6.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà	1 lần					
6.4	Vệ sinh và duy trì sạch bàn, ghế	1 lần					
6.5	Duy trì sạch mặt ngoài tủ hồ sơ	1 lần					
6.6	Vệ sinh và duy trì sạch khu rửa tay: gương, lavabo, tủ hộc, bàn đá (nếu có)	1 lần					
6.7	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính; cửa ra vào, tay nắm cửa, khóa cửa, công tắc, ổ điện ≤ 2m	1 lần					
6.8	Vệ sinh kính, khung kính; cửa, khung cửa; các thiết bị gắn tường từ 2m đến 3,5m: bảng biển, tranh trang trí			1 lần			
6.9	Quét mạng nhện, phát bụi tường		1 lần				

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
6.10	Đánh cọ thùng đựng rác		1 lần				
6.11	Hút bụi ghế bọc vải		1 lần				
6.12	Làm sạch nóc tủ			1 lần			
6.13	Vệ sinh mặt ngoài điều hòa, quạt treo tường/quạt trần			1 lần			
7	Khu khám bệnh và phòng chuyên môn ngoại trú						
	<i>Áp dụng tại: Khoa Khám bệnh, Khám bệnh yêu cầu, phòng khám các chuyên khoa (RHM, Da liễu, TMH, Mắt...), TT CDHA (X-quang, CT, MRI, siêu âm, nội soi), Thăm dò chức năng, Đơn nguyên tiêm chủng</i>						
7.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
7.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
7.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn phòng khám, phòng chụp, phòng thủ thuật	2 lần					
7.4	Vệ sinh giường khám, bàn khám, ghế khám, bàn làm việc của bác sĩ	2 lần					
7.5	Vệ sinh quầy đăng ký, quầy thu viện phí, quầy nhận bệnh	2 lần					
7.6	Vệ sinh và duy trì sạch khu rửa tay: gương, lavabo, bàn đá	2 lần					
7.7	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, khóa cửa, công tắc, ổ điện $\leq 2m$	2 lần					
7.8	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính $\leq 2m$	1 lần					
7.9	Phòng thủ thuật, phòng nội soi: làm sạch sàn và bề mặt sau mỗi ca	Sau mỗi ca					

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
7.10	Vệ sinh kính, khung kính; cửa, khung cửa; các thiết bị gắn tường từ 2m đến 3,5m: bảng biển, tranh trang trí		1 lần				
7.11	Đánh cọ thùng đựng rác		1 lần				
7.12	Quét mạng nhện, phát bụi trần, tường			2 lần			
7.13	Vệ sinh mặt ngoài điều hòa, quạt treo tường/quạt trần, quạt thông gió			1 lần			
7.14	Chà sàn bằng máy chuyên dụng (phòng khám, phòng chụp)			1 lần			
7.15	Tổng vệ sinh phòng (tường, trần, sàn, thiết bị gắn tường)			1 lần			
8	Khoa lâm sàng nội trú: buồng bệnh, phòng chuyên môn						
	<i>Áp dụng tại: Khoa Nội thận tiết niệu, Nội tiết, Nội cơ xương khớp, Nội tổng hợp, Nội hô hấp, Nhi, Thần kinh, Đột quỵ, TT Tim mạch, Cơ xương khớp, Ngoại thần kinh sọ não, TT phẫu thuật tiêu hóa-gan mật tụy, Ngoại thận tiết niệu, TT Ung bướu, TT Chấn thương chỉnh hình, Phụ sản, Phục hồi chức năng, Đông y, Điều trị yêu cầu, Trung tâm BVSK cán bộ, Đơn nguyên xạ trị, Đơn nguyên phẫu thuật -TTUB, Đơn nguyên PTTM, Da liễu, Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt</i>						
8.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
8.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
8.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà	2 lần					
8.4	Vệ sinh và duy trì sạch tủ đầu giường, thành giường, ổ điện	1 lần					
8.5	Vệ sinh và duy trì sạch khu rửa tay: gương, lavabo, bàn đá	2 lần					
8.6	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, khóa cửa, công tắc ≤ 2m	2 lần					

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
8.7	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính $\leq 2m$	1 lần					
8.8	Vệ sinh thùng rác trên xe tiêm	1 lần					
8.10	Làm sạch giường bệnh, tủ đầu giường khi người bệnh ra viện hoặc chuyển khoa	Ngay sau mỗi người bệnh					
8.11	Vệ sinh kính, khung kính; cửa, khung cửa; các thiết bị gắn tường từ 2m đến 3,5m: bảng biển, tranh trang trí			1 lần			
8.12	Đánh cọ thùng đựng rác		1 lần				
8.13	Quét mạng nhện, phát bụi trần, tường		1 lần				
8.14	Vệ sinh mặt ngoài điều hòa, quạt treo tường/quạt trần, quạt thông gió			1 lần			
8.15	Chà sàn bằng máy chuyên dụng (buồng bệnh, phòng chuyên môn)			1 lần			
8.16	Tổng vệ sinh khoa (trần, tường, sàn, gầm giường, thiết bị gắn tường)			1 lần			
9	Khoa Hồi sức tích cực – Phòng chống độc và khoa Cấp cứu (trực 24/24)						
	<i>Áp dụng tại: Nhà H – Tầng 1 (Khoa Cấp cứu), Tầng 2 (Khoa Hồi sức tích cực – PCD)</i>						
9.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần và khi đầy $\frac{3}{4}$ thùng					
9.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
9.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà (mỗi ca 1 lần)	3 lần					

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
12.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển chất thải lây nhiễm	2 lần và khi đầy 3/4 thùng					
12.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					
12.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà, hành lang	2 lần					
12.4	Vệ sinh giường bệnh, tủ đầu giường, bàn	2 lần					
12.5	Vệ sinh và duy trì sạch tay nắm cửa, khóa cửa, công tắc, ổ điện, nút bấm $\leq 2m$	1 lần					
12.6	Vệ sinh và duy trì sạch kính, khung kính $\leq 2m$	1 lần					
12.7	Vệ sinh và duy trì sạch khu rửa tay: gương, lavabo, bàn đá	2 lần					
12.8	Nhà vệ sinh trong khoa	Thực hiện như mục 5 (4 lần/ngày)					
12.9	Làm sạch, khử khuẩn giường, tủ đầu giường khi người bệnh ra viện, chuyển khoa hoặc tử vong	Ngay sau mỗi người bệnh					
12.10	Quét mạng nhện, phát bụi trần, tường		1 lần				
12.11	Đánh cọ thùng đựng rác		1 lần				
12.12	Tổng vệ sinh khoa			1 lần			
13	Khu xét nghiệm và các khoa cận lâm sàng có mẫu bệnh phẩm						
	<i>Áp dụng tại: Khoa Hóa sinh – Vi sinh, Huyết học – Truyền máu, Giải phẫu bệnh, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn</i>						
13.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	2 lần					
13.2	Vệ sinh mặt ngoài thùng đựng rác	1 lần					

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
13.3	Vệ sinh và duy trì sạch sàn nhà	2 lần					
13.4	Vệ sinh và duy trì sạch bàn làm việc, bàn nhận mẫu (không gồm máy móc, thiết bị)	2 lần					
13.5	Vệ sinh và duy trì sạch tay nắm cửa, khóa cửa, công tắc, ổ điện ≤ 2m	1 lần					
13.6	Vệ sinh và duy trì sạch khu rửa tay: gương, lavabo, bàn đá	2 lần					
13.7	Quét mạng nhện, phát bụi trần, tường		1 lần				
13.8	Vệ sinh kính, khung kính; cửa, khung cửa; các thiết bị gắn tường từ 2m đến 3,5m		1 lần				
13.9	Vệ sinh mặt ngoài điều hòa, quạt, miệng gió			1 lần			
13.10	Tổng vệ sinh khoa			1 lần			
14	Kho (kho thuốc, kho vật tư, kho hồ sơ, kho sạch, kho bẩn)						
	<i>Áp dụng tại: Khoa Dược; Phòng Vật tư thiết bị y tế; kho hồ sơ; kho sạch, kho bẩn tại các khoa</i>						
14.1	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	1 lần					
14.2	Vệ sinh và duy trì sạch sàn kho (kho bẩn: 2 lần)	1 lần					
14.3	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, công tắc ≤ 2m	1 lần					
14.4	Lau bụi mặt ngoài kệ, tủ, thùng (không di chuyển hàng hóa)		1 lần				
14.5	Quét mạng nhện, phát bụi tường, trần		1 lần				
14.6	Vệ sinh mặt ngoài điều hòa, quạt, miệng gió			1 lần			

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
14.7	Tổng vệ sinh kho (có hàng hóa thì làm theo sự hướng dẫn của thủ kho)			1 lần			
15	Hội trường, phòng hội thảo						
	<i>Áp dụng tại: Nhà A – Tầng 11 (các hội trường, phòng hội thảo); Nhà đa năng</i>						
15.1	Lau sàn	1 lần					
15.2	Vệ sinh bàn, ghế, bục, bàn họp	1 lần					
15.3	Vệ sinh và duy trì sạch cửa ra vào, tay nắm cửa, công tắc, ổ điện $\leq 2m$	1 lần					
15.4	Thay rác, thu gom và vận chuyển rác về nơi tập kết rác tập trung tại Bệnh viện	1 lần					
15.5	Chuẩn bị, dọn vệ sinh trước và sau các buổi hội nghị, hội thảo (kể cả Chủ nhật nếu có)	Mỗi sự kiện					
15.6	Quét mạng nhện, phát bụi tường, kính, thiết bị gắn tường			1 lần			
16	Phòng kỹ thuật và tầng áp mái						
	<i>Áp dụng tại: Phòng máy AHU, phòng quạt, phòng điện, trạm biến áp, máy phát điện, bể nước, bơm chữa cháy; tầng áp mái</i>						
16.1	Hút bụi, lau sàn, lau tường, trần, vỏ ngoài máy móc (có nhân viên kỹ thuật Bệnh viện giám sát)			1 lần			
16.2	Quét dọn sàn, nhặt lá, rác tầng áp mái trong điều kiện tiếp cận an toàn.			1 lần			
16.3	Vệ sinh mái che, mái đón trong điều kiện tiếp cận an toàn.				1 lần		
17	Khu vực lưu giữ rác thải tập trung và trạm xử lý nước thải						
	<i>Áp dụng tại: Nhà lưu giữ chất thải tập trung; trạm xử lý nước thải</i>						
17.1	Quét, rửa nền nhà lưu giữ chất thải sau mỗi lần giao rác	1 lần					

[illegible]

STT	Nội dung công việc	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Ghi chú
Áp dụng tại: Cầu nối giữa các tòa nhà							
19.1	Thay rác, thu gom và tập kết rác về nơi quy định (nhà lưu trữ chất thải của Bệnh viện)	2 lần					
19.2	Đánh sàn bằng máy chuyên dụng	1 lần					
19.3	Nhặt, xử lý rác nổi	2 lần					
19.4	Lau tay vịn, lan can, ghế chờ (nếu có)	2 lần					
19.5	Lau kính, vách, thiết bị gắn tường ≤ 3,5m			1 lần			
19.6	Quét mạng nhện, phát bụi trần, mái			2 lần			
19.7	Vệ sinh khi có tràn đổ máu, dịch cơ thể	Ngay khi phát sinh					
20	Quy định chung cho mọi vị trí						
Áp dụng tại: Toàn bộ các khu vực nêu trên							
20	Vệ sinh khi có tràn, vương vãi, dịch máu, dịch cơ thể	Ngay khi phát sinh					
20.1	Khi có dịch bệnh: lau khử khuẩn bằng hóa chất chứa Clo	Ít nhất 1 lần/ngày ở tất cả các vị trí					
20.2	Thay mốp, khăn lau	Sau mỗi phòng/khu; dùng một lần					

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

Theo thư mời chào giá số 1577/BVĐK-KSNK của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá Cung cấp dịch vụ làm sạch như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND/24 tháng) đã bao gồm VAT
1	Cung cấp dịch vụ làm sạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình 24 tháng	gói	01		
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác					

Thời gian cung cấp dịch vụ: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Chúng tôi cam kết đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật của Bệnh viện theo thư mời chào giá.

Báo giá này có hiệu lực 06 tháng từ ngày báo giá.

Ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)